

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 03 - 02 - 2021

V/v: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Lâm Anh.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nghiêm Đình Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 492/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX - ST ngày 11/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 54 ngày 27/1/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Phương A**, sinh năm 1983.

ĐKNKTT: Số 52B T, phường N, quận H, Hà Nội.

Trú tại: Phòng 611, chung cư E, số 7 V, phường Y, quận C, Hà Nội.

- Bị đơn: **Anh Hoàng Trần T**, sinh năm 1974.

ĐKNKTT và trú tại: Số 16, tổ 22, phường Y, quận C, Hà Nội.

(Chị Phương A có mặt, anh Trung vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 09 năm 2020 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai ngày 13 tháng 11 năm 2020 và các buổi làm việc tại tòa án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương A trình bày:

Về tình cảm: Chị Nguyễn Thị Phương A và anh Hoàng Trần T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, Hà Nội ngày 05/01/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau tại số 16, tổ 37 (nay là tổ 22) phường Y, quận C, Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính cách vợ chồng không hòa hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Nay chị Phương A xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Trần T.

Về con chung: Chị Phương A xác nhận chị và anh T có 02 con chung là Hoàng Phương L (nữ), sinh ngày 19/3/2010 và Hoàng Trung Q (nam), sinh ngày 20/4/2012. Ly hôn, chị Phương A đề nghị Tòa án giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (động sản, bất động sản): Chị Phương A và anh T tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Chị Phương A xác nhận chị và anh T không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 12 tháng 11 năm 2020 và các buổi làm việc tại Tòa án, bị đơn là anh Hoàng Trần T trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh Hoàng Trần T hoàn toàn nhất trí với ý kiến của chị Nguyễn Thị Phương A đã trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của anh chị. Trong quá trình chung sống vợ chồng đôi khi xảy ra mâu thuẫn nhưng anh T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn. Anh T đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phương A để anh có cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong trường hợp chị Phương A cương quyết xin ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- **Về con chung:** Anh T xác nhận anh và chị Phương A có 02 con chung là Hoàng Phương L (nữ), sinh ngày 19/3/2010 và Hoàng Trung Q (nam), sinh ngày 20/4/2012. Trong trường hợp ly hôn, anh T đề nghị Tòa án giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản chung (động sản, bất động sản):** Anh T và chị Phương A tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ:** Anh T xác nhận anh và chị Phương A không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài những yêu cầu trên anh T và chị Phương A không đề nghị Tòa án giải quyết thêm vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vắng mặt. Chị Phương A vẫn giữ nguyên những yêu cầu đã trình bày.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến về việc tuân theo Pháp luật Tổ tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tổ tụng dân sự về: Thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách của những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu; các đương sự chấp hành yêu cầu của Tòa án về việc giao nộp chứng cứ.

- Tại phiên tòa: Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng.

- Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Phương A về việc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Trần T; Về con chung: Giao 2 con chung là Hoàng Phương L (nữ), sinh ngày 19/3/2010 và Hoàng Trung Q (nam), sinh ngày 20/4/2012 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung: Anh chị

tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về tài sản chung: Hai bên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết; Về nợ: Hai bên xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét; Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phương A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Phương A có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn đối với anh Hoàng Trần T. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Bị đơn là anh Hoàng Trần T hiện nay đang cư trú tại Số 16, tổ 22, phường Y, quận C, thành phố Hà Nội. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về trình tự tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Phương A có mặt. Bị đơn là anh Hoàng Trần T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Anh T không có yêu cầu phản tố và đã có lời khai trình bày các quan điểm, yêu cầu của mình đối với việc giải quyết vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

- *Về tình cảm*: Chị Nguyễn Thị Phương A kết hôn với anh Hoàng Trần T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, quận H, thành phố Hà Nội ngày 05/1/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Phương A và anh T là hợp pháp.

Quá trình chung sống chị Phương A và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn và không có hạnh phúc, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng trong cách sống và những mâu thuẫn trong cuộc sống không được giải quyết. Nay chị Phương A xác định mâu thuẫn vợ chồng không thể giải quyết được, không có khả năng đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, chị kiên quyết xin ly hôn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bản thân anh T

cũng đồng ý thuận tình ly hôn sau đó anh T thay đổi quan điểm. Anh thừa nhận trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ do những nguyên nhân nhỏ nhặt, chưa đến mức phải ly hôn nên không đồng ý với yêu cầu của chị Phương A. Tuy nhiên, anh T cũng có ý kiến nếu chị Phương A cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân tồn tại phải trên cơ sở tình cảm tự nguyện của cả hai bên, không vì bất cứ mục đích nào khác. Lý do anh T không đồng ý ly hôn không phải là căn cứ để tồn tại hạnh phúc gia đình. Thực tế mâu thuẫn của anh chị đã căng thẳng, kéo dài, đã sống ly thân nhau từ tháng 11/2019 đến nay. Mặc dù đã được Tòa án hòa giải rất nhiều lần và tạo điều kiện về thời gian để anh T đưa ra biện pháp cải thiện tình cảm vợ chồng, tuy nhiên cũng không đạt kết quả gì. Do vậy cuộc sống chung vợ chồng giữa chị Phương A và anh T không thể tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị Phương A yêu cầu được ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 cần được chấp nhận.

- *Về con chung*: Chị Phương A và anh T xác nhận có 02 con chung là Hoàng Phương L (nữ), sinh ngày 19/3/2010 và Hoàng Trung Q (nam), sinh ngày 20/4/2012. Trong trường hợp ly hôn chị Phương A và anh T thống nhất đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy anh T có đầy đủ điều kiện về vật chất cũng như trách nhiệm để chăm lo cho con cái. Anh T có nhà ở, công việc, thu nhập ổn định và có thời gian đảm bảo để chăm sóc các con tốt nhất, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển toàn diện của các cháu. Do đó nên giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung là hoàn toàn phù hợp với hoàn cảnh thực tế của anh chị, phù hợp với ý chí nguyện vọng của con chung và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Việc cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị Phương A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu chị lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 .

- *Về tài sản chung (động sản và bất động sản)*: Chị Phương A và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ*: Chị Phương A và anh T xác nhận vợ chồng không nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Chị Phương A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003894 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị Phương Anh đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ điều 271, 273 Bộ luật tố tụng Dân sự: Chị Phương A, anh T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. ***Về quan hệ hôn nhân***: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương A đối với anh Hoàng Trần T. Chị Phương A được ly hôn anh T.

2. **Về con chung:** Xác nhận chị Phương A và anh T có 02 con chung là Hoàng Phương L (nữ), sinh ngày 19/3/2010 và Hoàng Trung Q (nam), sinh ngày 20/4/2012. Ly hôn, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Chị Phương A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Phương A nếu chị lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. **Về tài sản chung** (Động sản và bất động sản): Chị Phương A và anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. **Về nợ:** Chị Phương A và anh T xác nhận không nợ ai và không cho ai vay nợ nên không xem xét giải quyết.

5. **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị Phương A phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003894 ngày 13 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội. Xác nhận chị Phương A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phương A được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Anh T được quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cầu Giấy;
- VKSND quận Cầu Giấy;
- Chi cục THADS quận Cầu Giấy;
- UBND phường N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Ngọc Hà